

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý Nhà nước các
nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Nhà nước các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 30/2005/QĐ-UBND ngày 08/7/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành “Quy định quản lý nhà nước các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Đắk Nông” và Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh “Quy định quản lý nhà nước các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Đắk Nông”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Chi cục Văn thư, Lưu trữ tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH-Ph.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bón

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Nông

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14 /2016/QĐ-UBND
ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (dưới đây viết tắt là KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Đắk Nông, bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ, đề án khoa học, chương trình khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh*: (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo tỉnh hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ do các Sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ để đặt hàng các tổ chức và cá nhân thực hiện.

2. *Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN*: là việc Sở Khoa học và Công nghệ thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra yêu cầu về sản phẩm KH&CN, cung cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN tạo ra sản phẩm KH&CN thông qua hợp đồng.

3. *Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở*: Là các nhiệm vụ có tính chất đơn lẻ, quy mô thực hiện nhỏ nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý ngành; hoạt động áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học, hoạt động thử nghiệm, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trực tiếp vào sản xuất, đời sống; nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học không quá 150 triệu đồng.

Điều 3. Những nguyên tắc chung về quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN trong kế hoạch, các nhiệm vụ KH&CN cấp thiết mới phát sinh hàng năm.

2. Việc xác định các nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn và giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tổ chức hàng năm theo quy định hiện hành.

3. Nhiệm vụ KH&CN có cùng nội dung nghiên cứu không được đăng ký ở nhiều nơi để nhận thêm kinh phí nghiên cứu. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của nhiệm vụ KH&CN được đăng ký và thực hiện với Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Đối với các nhiệm vụ KH&CN khác không dùng ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh để nghiên cứu, nhưng muốn xác nhận sản phẩm khoa học thì được Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng Khoa học chuyên đề nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu. Tổ chức, cá nhân yêu cầu chịu trách nhiệm về tài liệu, kinh phí phục vụ Hội đồng nghiệm thu.

Điều 4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN không quá 36 tháng tính từ khi ký kết hợp đồng đối với các lĩnh vực môi trường, công nghệ sinh học, nông nghiệp, y dược và không quá 24 tháng đối với các lĩnh vực khác. Các trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có thời gian thực hiện không quá 12 tháng.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các chủ trương, định hướng của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sở, ngành và địa phương.

4. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm của tỉnh.

5. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết, khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 6. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

2. Đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
- b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh;
- c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh;

d) Không trùng lặp với các chương trình, dự án của tỉnh và hợp tác quốc tế.

3. Có địa chỉ ứng dụng cụ thể và được lãnh đạo Sở, ngành và địa phương cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 7. Tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, các sở, ngành và địa phương thông báo định hướng phát triển KH&CN ưu tiên của ngành, địa phương mình để các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ KH&CN.

Đề xuất đặt hàng được thực hiện theo trình tự quy định tại Chương III Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Sở, ngành và địa phương tự xây dựng đề xuất đặt hàng hoặc có thể mời chuyên gia, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến hưởng thụ kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng đề xuất đặt hàng.

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết theo những căn cứ quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 5 Quy định này và các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gửi trực tiếp về Sở để xem xét, lựa chọn xây dựng đề xuất đặt hàng.

2. Các sở, ngành và địa phương tổ chức lấy ý kiến tư vấn thông qua hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia độc lập đối với đề xuất đặt hàng trước khi gửi Sở Khoa học và Công nghệ. Trên cơ sở ý kiến tư vấn, sở, ngành và địa phương hoàn thiện đề xuất đặt hàng. Lãnh đạo sở, ngành và địa phương ký duyệt và gửi đề xuất đặt hàng cho Sở Khoa học và Công nghệ. Đề xuất đặt hàng gửi Sở Khoa học và Công nghệ bao gồm phiếu đề xuất đặt hàng theo các mẫu quy định và biên bản làm việc của hội đồng tư vấn hoặc ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập đối với đề xuất đặt hàng là phụ lục của đề xuất đặt hàng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng và xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng. Đề xuất đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu” khi có đầy đủ thông tin trong phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo và có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất. Đề xuất đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu”, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh xem xét.

4. Thời gian xem xét đề xuất đặt hàng thực hiện hàng quý.

Điều 8. Tổ chức xác định danh mục nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Theo tiến độ đề xuất đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ lập danh mục các đề xuất đặt hàng đạt yêu cầu trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN để xem xét, lựa chọn. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch (nếu cần)

và các ủy viên. Thành viên của Hội đồng phải là những người có uy tín, có trình độ Đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và am hiểu trong lĩnh vực KH&CN được giao đánh giá, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Hội đồng họp và đánh giá theo mẫu phiếu quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN lựa chọn để tổ chức thẩm định danh mục nhiệm vụ KH&CN. Việc thẩm định danh mục các nhiệm vụ KH&CN thực hiện thông qua các tổ thẩm định. Tổ thẩm định do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập có từ 5 đến 7 thành viên là đại diện các đơn vị chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ, có thể mời thêm các chuyên gia tham gia Tổ thẩm định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ dựa trên kết quả thẩm định để xây dựng danh mục nhiệm vụ KH&CN trong kế hoạch KH&CN 5 năm, hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do Sở Khoa học và Công nghệ lập mà không thực hiện theo trình tự quy định tại Điều này.

Điều 9. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục đặt hàng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các sở ngành địa phương có đề xuất đặt hàng trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

Điều 10. Trình tự xác định, phê duyệt và triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp thiết mới phát sinh

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp thiết mới phát sinh phải đáp ứng các quy định tại Điều 3 Quyết định số 09/2008/QĐ-BKH&CN ngày 01/08/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; trực tiếp hoặc góp phần giải quyết vấn đề cấp thiết trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

2. Việc tổ chức quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết mới phát sinh được thực hiện theo trình tự quy định tại Chương II và Chương III Quyết định số 09/2008/QĐ-BKH&CN ngày 01/08/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP, THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 11. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Việc tuyển chọn được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ. Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để chuẩn bị hồ sơ và lập đề cương bảo vệ trước Hội đồng.

2. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp phải đảm bảo số lượng, loại tài liệu và đúng biểu mẫu quy định.

4. Việc tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định hiện hành. Những hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá đạt yêu cầu sẽ được thẩm định theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

5. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, hồ sơ do phòng chức năng xem xét đánh giá, không thành lập Hội đồng tư vấn.

Điều 12. Tổ chức thẩm định, phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Những nhiệm vụ KH&CN có kinh phí sự nghiệp khoa học lớn hơn 400 triệu đồng thì phải có đại diện Sở Tài chính tham gia Tổ thẩm định.

2. Trên cơ sở ý kiến của tổ thẩm định, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của tổ thẩm định trong thời hạn 7 ngày (kể từ ngày có quyết định phê duyệt) và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành ký kết hợp đồng, làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

3. Căn cứ vào hồ sơ nhiệm vụ KH&CN đã được thẩm định, đề cương thuyết minh đã chỉnh sửa, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo mẫu Hợp đồng của Bộ KH&CN.

4. Kinh phí được cấp dựa trên nội dung và tiến độ theo từng giai đoạn đã được ghi trong hợp đồng. Kinh phí đợt cuối được giữ lại một khoản nhất định trong tổng kinh phí sự nghiệp khoa học của nhiệm vụ KH&CN đó, phần này sẽ được cấp, thanh toán sau khi nghiệm thu, quyết toán tổng kinh phí nhiệm vụ KH&CN và thanh lý hợp đồng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 13. Ký kết hợp đồng khoa học công nghệ

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ.

Sau khi nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tổng kinh phí, Sở Khoa học và Công nghệ có nhiệm vụ ký kết hợp đồng KH&CN với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN; chuyên kinh phí cho nhiệm vụ KH&CN về tài khoản của tổ chức chủ trì chậm nhất trong vòng một tháng sau khi ký hợp đồng và sau đó theo tiến độ thực hiện.

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 14. Báo cáo định kỳ, kiểm tra nhiệm vụ KH&CN

1. Định kỳ 06 tháng/lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo tiến độ thực hiện theo mẫu hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ 01 lần/năm về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký. Trong trường hợp thấy cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định tổ chức kiểm tra đột xuất, số lần không giới hạn.

3. Thành phần Đoàn kiểm tra do Giám đốc Sở quyết định, gồm đại diện 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên đơn vị quản lý nhiệm vụ, đại diện 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên đơn vị quản lý kinh phí, đại diện đơn vị quản lý chuyên môn, đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng (nếu có), trong trường hợp cần thiết có thể mời thêm các thành viên Hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia chuyên ngành.

4. Kết quả kiểm tra được kết luận cụ thể và được lập thành biên bản lưu hồ sơ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Biên bản kiểm tra, đánh giá phải được các thành viên tham gia đoàn kiểm tra và đại diện cơ quan chủ trì nhiệm vụ ký xác nhận.

Điều 15. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, điều chỉnh về thời gian thực hiện, tên, mục tiêu, sản phẩm, nội dung, kinh phí và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở xuống. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 16. Dừng thực hiện nhiệm vụ

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ quyết định dừng thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp có đủ căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết đối với tỉnh và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, có đủ cơ sở xác định nhiệm vụ

không có khả năng hoàn thành mục tiêu, sản phẩm theo hợp đồng đã ký, hoặc cơ quan chủ trì không còn đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

Điều 17. Thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN với Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ thực hiện và tuân thủ đúng các quy định về chế độ chi tiêu hiện hành.

Điều 18. Phê duyệt, phân bổ kinh phí

1. Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ dự toán được giao và các quy định hiện hành của Nhà nước, Sở Tài chính thông báo kinh phí sự nghiệp khoa học cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thẩm định kinh phí các nhiệm vụ KH&CN theo các quy định hiện hành.

4. Kinh phí cho các kỳ họp Hội đồng Khoa học được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh.

Chương V

NGHIỆM THU, ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ, CÔNG NHẬN VÀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 19. Tổ chức đánh giá nghiệm thu

1. Sau khi nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá nghiệm thu theo quy định hiện hành.

2. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đề xuất hướng nghiên cứu tiếp tục và ứng dụng triển khai nhiệm vụ KH&CN với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Việc đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được quy định ở Điều 2 của Quy định này do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện, không cần lập Hội đồng nghiệm thu như các nhiệm vụ KH&CN khác.

Điều 20. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin KH&CN theo quy định. Khuyến khích các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin KH&CN.

Điều 21. Công nhận kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng nghiệm thu và các hồ sơ, sản phẩm hoàn chỉnh giao nộp của nhiệm vụ KH&CN theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng các kết quả có thể ứng dụng, triển khai vào thực tế.

Điều 22. Ứng dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ cùng với đơn vị đề xuất đặt hàng, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm về việc chuyển giao kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức đề xuất đặt hàng, chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm dự trù kinh phí triển khai ứng dụng, thực hiện kế hoạch triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất 6 tháng sau khi nghiệm thu.

Trường hợp tổ chức đề xuất đặt hàng, chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng năm và liên tục trong 2 năm sau khi nhiệm vụ KH&CN kết thúc, đơn vị đề xuất đặt hàng, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải lập và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ. Ngoài ra, còn có báo cáo đột xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ khi có yêu cầu.

3. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, sản xuất sản phẩm mới được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc phân chia lợi nhuận được thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng KH&CN giữa các bên. Trong trường hợp việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do ngân sách của tỉnh đầu tư 100% thì việc phân chia lợi nhuận thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức xây dựng định hướng, kế hoạch 5 năm và hàng năm về nhiệm vụ KH&CN của tỉnh; tổ chức xác định nhiệm vụ KH&CN hàng năm.

2. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định, theo dõi tình hình thực hiện, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Xử lý các phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Chủ trì, phối hợp với tổ chức đề xuất nhiệm vụ, chủ trì, chủ nhiệm chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Điều 24. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức đề xuất đặt hàng

1. Tham gia, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN do mình đề xuất đặt hàng.

2. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN do mình đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 25. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải ký xác nhận, theo dõi, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm vụ KH&CN thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ. Thủ trưởng các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN do tổ chức mình chủ trì, có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo chính xác và thanh quyết toán đúng thời gian quy định; có trách nhiệm nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã ký. Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả của nhiệm vụ KH&CN; nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng.

2. Cùng với chủ nhiệm vụ KH&CN phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi nhiệm vụ KH&CN đã được đánh giá, nghiệm thu theo quy định hiện hành và báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

3. Thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

4. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được hưởng chi phí quản lý của nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

Điều 26. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nhiệm vụ KH&CN

1. Chủ nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm về triển khai thực hiện nội dung, tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng.

2. Chủ nhiệm vụ KH&CN được quyền chủ động sử dụng kinh phí được cấp và điều động nhân sự tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định hiện hành của nhà nước với cơ quan chủ trì và Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Cùng với tổ chức chủ trì phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành; đăng ký kết quả nghiên cứu với bộ phận thông tin khoa học - công nghệ và có thể đề xuất hoặc đăng ký (khi có ủy quyền) quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 27. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tư vấn xác định danh mục; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì; nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN (gọi tắt là Hội đồng)

1. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm:

a) Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng, chuyên gia (nếu có) có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình xác định danh mục, đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo quy định;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ, tài liệu; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng hồ sơ, tài liệu theo các yêu cầu đã quy định; có bản nhận xét, đánh giá và luận giải cho việc đánh giá; chấm các tiêu chí theo các biểu mẫu quy định;

c) Các thành viên Hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm tiêu chí đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi đánh giá, chấm điểm, Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức đánh giá, cho điểm đối với từng tiêu chí.

2. Mỗi thành viên Hội đồng được cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu của cuộc họp và phải có đủ thời gian để nghiên cứu trước ít nhất 07 ngày.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Khen thưởng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thích đáng và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện những công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Đối với những nhiệm vụ KH&CN hoàn thành đúng thời hạn và vượt mức mục tiêu nhiệm vụ đặt ra, được Hội đồng nghiệm thu đạt kết quả xuất sắc sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng.

Điều 29. Xử lý vi phạm

Các tổ chức và cá nhân vi phạm hoặc làm trái quy định về quản lý nhà nước, ngoài việc phải chấp hành các quy định hiện hành của Nhà nước và có thể bị truy cứu trách nhiệm trước pháp luật, còn phải hoàn trả lại kinh phí đã nhận. Mức độ hoàn trả kinh phí do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 30. Điều khoản thi hành

Giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, các tổ chức và cá nhân khoa học và công nghệ triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình áp dụng Quy định này, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn